

Bản án số: 687/2017/HSPT

Ngày: 15-9-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ngô Thị Ánh

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Hợp và bà Phan Thanh Huyền

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Liễu, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 588/2017/HSPT ngày 03/8/2017 đối với bị cáo Đ do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 71/2017/HSST ngày 13/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện S, thành phố Hà Nội.

Bị cáo có kháng cáo:

Đ, sinh năm 1973. ĐKHKT và nơi ở: thôn V, xã P, huyện S, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 7/12; con ông D và bà C; có chồng là P (bị cáo khai tại phiên tòa đã ly hôn); tiền án, tiền sự: không; tạm giữ từ ngày 19/01/2017 đến 25/01/2017; bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

Danh chỉ bản số 000000108 lập ngày 22/01/2017 tại Công an huyện S, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị N, sinh năm 1967; trú quán: thôn A, xã P, huyện S, thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Phạm Văn K, Luật sư của Văn phòng Luật sư Đ1, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện S và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện S thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 19/01/2017, Đ đang ở nhà thì có K (tại thời điểm đó nhận là H), sinh 1971, ở thôn U, xã B, huyện S gọi điện đặt vấn đề mua dâm, Đ đồng ý. K rủ Q (tại thời điểm gặp Đ nhận là H1), sinh 1987, ở thôn Y, xã M đi cùng đến nhà Đ và bảo Đ gọi thêm một gái bán dâm khác, Đ đồng ý và gọi cho N, sinh 1967, trú tại thôn A, xã P. Sau đó cả 4 đi đến thôn X, xã G để hát. Tại quán hát, Q đưa cho Đ 800.000 đồng, trong đó có 600.000 đồng tiền mua dâm của Đ, N và 200.000 đồng là tiền công gọi N của Đ. Đ, N, Q, K đi đến khách sạn T ở thôn I, xã G thuê phòng. Đ, K lên phòng 102 còn N, Q lên phòng 203 để thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị Công an huyện S kiểm tra bắt giữ người cùng tang vật là 800.000 đồng.

Cáo trạng số 64/CT/VKS-HS ngày 4/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S, thành phố Hà Nội truy tố Đ về tội Môi giới mại dâm theo khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà sơ thẩm, bị cáo không nhận có hành vi môi giới mại dâm như nội dung của bản cáo trạng đã truy tố, bị cáo cho rằng mình bị oan vì chỉ do nhu cầu sinh lý nên đi với anh K, anh Q. Chị N cho rằng bị cáo Đ chỉ rủ chị đi uống nước và đi hát, 300.000 đồng là tiền Đ trả nợ chị. Người bào chữa cho bị cáo cho rằng bị cáo Đ không rủ chị N đi bán dâm, không có động cơ tư lợi, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Đ không phạm tội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S giữ nguyên nội dung truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt Đ từ 9 tháng đến 12 tháng tù về tội Môi giới mại dâm.

Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2017/HSST ngày 13/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện S, thành phố Hà Nội đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Đ phạm tội Môi giới mại dâm.

Áp dụng khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Đ 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 19/01/2017 đến ngày 25/01/2017.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/6/2017, bị cáo Đ kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo tội danh quy định tại khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự với hình phạt 10 tháng tù là không đúng quy định của pháp luật. Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo không thừa nhận hành vi môi giới mại dâm và giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận định đơn kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định, hợp lệ về hình thức. Xét nội dung kháng cáo thấy rằng lời khai ban đầu của bị cáo phù hợp với lời khai của chị N (BL46 đến 51), lời khai của anh Q (BL57 đến 61), lời khai của anh K (BL64 đến 67), đủ cơ sở kết luận bị cáo Đ đã thực hiện hành vi môi giới mại dâm để thu lời bất chính số tiền 200.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội Môi giới mại dâm theo khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, do đó không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo. Về mức hình phạt đối với bị cáo: bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự là thiếu sót. Xét tính chất vụ án thấy mức hình phạt 10 tháng tù đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc nên có thể giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo;

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Tố tụng hình sự, sửa bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 255, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 08 đến 09 tháng tù.

Người bào chữa cho bị cáo Đ cho rằng bị cáo Đ không phạm tội Môi giới mại dâm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội bởi lẽ trong suốt thời gian tạm giữ, bị cáo Đ không được giải thích về quyền được nhờ người khác bào chữa; các biên bản ghi lời khai trong hồ sơ vụ án giống nhau như có sự sao chép; có mâu thuẫn về thời gian; các câu hỏi mang tính chất mớm cung; bị cáo Đ và N không có biểu hiện mua bán dâm, Đ chỉ rủ N đi hát karaoke, trong khi hát K mới rủ rê đi nhà nghỉ; Q tự đưa tiền cho Đ để có tiền đi taxi về, Đ nghĩ đi taxi chỉ hết 200.000 đồng nên đã chia cho N 300.000 đồng; Đ không biết trước, không dụ dỗ, không dẫn dắt người khác đi bán dâm, không thu lợi từ việc giới thiệu người khác đi bán dâm nên Đ không phạm tội. Trong trường hợp có quan hệ mua bán dâm thì cũng chỉ xử phạt hành chính. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo không phạm tội, hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY

Mặc dù tại các phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo Đ không thừa nhận hành vi phạm tội nhưng lời khai ban đầu của bị cáo trong giai đoạn điều tra (BL31 đến 38) phù hợp với lời khai của chị N (BL45 đến 51), lời khai của anh Q (BL57 đến 61), lời

khai của anh K (BL64 đến 67); phù hợp với biên bản kiểm tra hành chính tại khách sạn T và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 13 giờ ngày 19/01/2017, anh K gọi điện cho Đ đặt vấn đề mua dâm, Đ đồng ý. Anh K rủ anh Q đi cùng đến nhà Đ và bảo Đ gọi thêm một gái bán dâm khác, Đ đồng ý và gọi chị N đến. Sau đó cả 4 người đến thôn X, xã G để hát karaoke. Anh Q đưa cho Đ 800.000 đồng, trong đó có 600.000 đồng tiền mua dâm của Đ, N và 200.000 đồng là tiền công gọi N của Đ rồi tất cả đến khách sạn T ở thôn I, xã G thuê phòng. Đ, K lên phòng 102; N, Q lên phòng 203 để thực hiện hành vi mua bán dâm. Đến 15 giờ 15 phút cùng ngày thì bị Công an huyện S kiểm tra bắt giữ người cùng vật chứng là số tiền 800.000 đồng.

Xét kháng cáo của bị cáo Đ thấy rằng: Đ đã thực hiện hành vi rủ chị N đi bán dâm cho anh Q để thu lợi bất chính 200.000 đồng thỏa mãn dấu hiệu của tội Môi giới mại dâm, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, xem xét các tình tiết có ảnh hưởng đến trách nhiệm hình sự của bị cáo, bị cáo không có tình tiết tăng nặng và không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt 10 tháng tù là phù hợp, đủ tác dụng trừng trị và giáo dục bị cáo nói riêng, phòng ngừa tội phạm nói chung. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa phúc thẩm.

Bị cáo không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đ, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, cụ thể:

Áp dụng khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Đ 10 (mười) tháng tù về tội Môi giới mại dâm. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 19/01/2017 đến ngày 25/01/2017.

2. Về án phí: áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Đ phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 15/9/2017.

Nơi nhận:

- Công an huyện S;
- VKSND huyện S;
- TAND huyện S;
- Thi hành án dân sự huyện S;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu HSVA, V.Phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Thị Ánh